

Phụ lục VIII

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ PHƯỜNG NĂM 2025

(Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán					Quyết toán					So sách (%)				
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu			Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu			Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu		
				Tổng số	Gồm				Tổng số	Gồm				Tổng số	Gồm	
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước				Vốn ngoài nước	Vốn trong nước				Vốn ngoài nước	Vốn trong nước
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	17.854.595.163.794	6.698.038.077.980	11.156.557.085.814	-	11.156.557.085.814	17.693.652.102.886	6.696.135.207.432	10.997.516.895.454	-	10.997.516.895.454	99,10	99,97	98,57		98,57
1	2831120 - Phường Cái Khế	213.074.973.682	108.263.000.000	104.811.973.682		104.811.973.682	211.353.870.398	108.263.000.000	103.090.870.398		103.090.870.398	99,19	100,00	98,36		98,36
2	2831135 - Phường Ninh Kiều	415.108.042.911	277.153.000.000	137.955.042.911		137.955.042.911	411.671.915.031	275.250.129.452	136.421.785.579		136.421.785.579	99,17	99,31	98,89		98,89
3	2831147 - Phường Tân An	200.824.351.094	140.104.000.000	60.720.351.094		60.720.351.094	195.715.179.198	140.104.000.000	55.611.179.198		55.611.179.198	97,46	100,00	91,59		91,59
4	2831150 - Phường An Bình	147.097.303.282	107.094.000.000	40.003.303.282		40.003.303.282	141.097.356.372	107.094.000.000	34.003.356.372		34.003.356.372	95,92	100,00	85,00		85,00
5	2831153 - Phường Ô Môn	336.179.570.526	199.174.000.000	137.005.570.526		137.005.570.526	336.034.970.526	199.174.000.000	136.860.970.526		136.860.970.526	99,96	100,00	99,89		99,89
6	2831157 - Phường Thới Long	222.068.070.087	128.192.000.000	93.876.070.087		93.876.070.087	221.494.417.144	128.192.000.000	93.302.417.144		93.302.417.144	99,74	100,00	99,39		99,39
7	2831162 - Phường Phước Thới	191.310.232.104	113.397.000.000	77.913.232.104		77.913.232.104	191.309.732.104	113.397.000.000	77.912.732.104		77.912.732.104	100,00	100,00	100,00		100,00
8	2831168 - Phường Bình Thủy	212.290.154.109	130.702.000.000	81.588.154.109		81.588.154.109	206.468.510.158	130.702.000.000	75.766.510.158		75.766.510.158	97,26	100,00	92,86		92,86
9	2831174 - Phường Thới An Đông	151.988.686.700	103.754.000.000	48.234.686.700		48.234.686.700	150.874.879.248	103.754.000.000	47.120.879.248		47.120.879.248	99,27	100,00	97,69		97,69
10	2831183 - Phường Long Tuyền	121.329.735.558	78.083.000.000	43.246.735.558		43.246.735.558	117.460.299.427	78.083.000.000	39.377.299.427		39.377.299.427	96,81	100,00	91,05		91,05
11	2831186 - Phường Cái Răng	214.773.387.652	137.658.000.000	77.115.387.652		77.115.387.652	213.035.612.933	137.658.000.000	75.377.612.933		75.377.612.933	99,19	100,00	97,75		97,75
12	2831201 - Phường Hưng Phú	219.618.582.368	112.976.653.000	106.641.929.368		106.641.929.368	214.331.915.260	112.976.653.000	101.355.262.260		101.355.262.260	97,59	100,00	95,04		95,04
13	2831207 - Phường Thốt Nốt	239.918.455.944	147.923.000.000	91.995.455.944		91.995.455.944	238.033.027.689	147.923.000.000	90.110.027.689		90.110.027.689	99,21	100,00	97,95		97,95
14	2831213 - Phường Tân Lộc	109.374.713.998	62.221.000.000	47.153.713.998		47.153.713.998	109.374.713.998	62.221.000.000	47.153.713.998		47.153.713.998	100,00	100,00	100,00		100,00
15	2831217 - Phường Trung Nhứt	158.993.639.091	108.445.000.000	50.548.639.091		50.548.639.091	158.993.639.091	108.445.000.000	50.548.639.091		50.548.639.091	100,00	100,00	100,00		100,00
16	2831228 - Phường Thuận Hưng	179.444.689.298	116.478.000.000	62.966.689.298		62.966.689.298	178.675.512.878	116.478.000.000	62.197.512.878		62.197.512.878	99,57	100,00	98,78		98,78
17	2831231 - Xã Thạnh An	182.349.845.611	122.891.000.000	59.458.845.611		59.458.845.611	182.349.845.611	122.891.000.000	59.458.845.611		59.458.845.611	100,00	100,00	100,00		100,00
18	2831232 - Xã Vĩnh Thạnh	186.151.050.448	109.326.000.000	76.825.050.448		76.825.050.448	182.440.569.117	109.326.000.000	73.114.569.117		73.114.569.117	98,01	100,00	95,17		95,17
19	2831237 - Xã Vĩnh Trinh	116.742.651.818	73.202.000.000	43.540.651.818		43.540.651.818	116.474.952.093	73.202.000.000	43.272.952.093		43.272.952.093	99,77	100,00	99,39		99,39
20	2831246 - Xã Thạnh Quới	162.681.389.798	98.679.000.000	64.002.389.798		64.002.389.798	162.681.389.799	98.679.000.000	64.002.389.799		64.002.389.799	100,00	100,00	100,00		100,00
21	2831249 - Xã Thạnh Phú	90.465.391.527	64.505.000.000	25.960.391.527		25.960.391.527	90.424.491.527	64.505.000.000	25.919.491.527		25.919.491.527	99,95	100,00	99,84		99,84
22	2831255 - Xã Trung Hưng	192.731.945.466	130.395.000.000	62.336.945.466		62.336.945.466	192.551.345.466	130.395.000.000	62.156.345.466		62.156.345.466	99,91	100,00	99,71		99,71
23	2831258 - Xã Thới Lai	209.080.938.183	96.975.000.000	112.105.938.183		112.105.938.183	208.882.838.183	96.975.000.000	111.907.838.183		111.907.838.183	99,91	100,00	99,82		99,82
24	2831261 - Xã Cờ Đỏ	215.640.223.503	123.961.000.000	91.679.223.503		91.679.223.503	215.540.723.503	123.961.000.000	91.579.723.503		91.579.723.503	99,95	100,00	99,89		99,89
25	2831264 - Xã Thới Hưng	73.578.048.656	42.058.000.000	31.520.048.656		31.520.048.656	73.565.648.656	42.058.000.000	31.507.648.656		31.507.648.656	99,98	100,00	99,96		99,96
26	2831273 - Xã Đông Hiệp	116.223.195.905	71.292.000.000	44.931.195.905		44.931.195.905	116.152.595.905	71.292.000.000	44.860.595.905		44.860.595.905	99,94	100,00	99,84		99,84
27	2831282 - Xã Đông Thuận	94.395.026.749	65.198.000.000	29.197.026.749		29.197.026.749	94.251.126.749	65.198.000.000	29.053.126.749		29.053.126.749	99,85	100,00	99,51		99,51
28	2831288 - Xã Trường Thành	153.118.206.467	114.969.781.000	38.148.425.467		38.148.425.467	153.082.706.467	114.969.781.000	38.112.925.467		38.112.925.467	99,98	100,00	99,91		99,91
29	2831294 - Xã Trường Xuân	119.705.851.479	86.003.000.000	33.702.851.479		33.702.851.479	119.452.415.979	86.003.000.000	33.449.415.979		33.449.415.979	99,79	100,00	99,25		99,25
30	2831299 - Xã Phong Điền	285.806.829.712	133.517.000.000	152.289.829.712		152.289.829.712	285.328.802.952	133.517.000.000	151.811.802.952		151.811.802.952	99,83	100,00	99,69		99,69
31	2831309 - Xã Trường Long	89.833.728.526	53.425.000.000	36.408.728.526		36.408.728.526	88.729.500.496	53.425.000.000	35.304.500.496		35.304.500.496	98,77	100,00	96,97		96,97
32	2831315 - Xã Nhơn Ai	129.106.913.968	78.891.000.000	50.215.913.968		50.215.913.968	128.687.084.758	78.891.000.000	49.796.084.758		49.796.084.758	99,67	100,00	99,16		99,16
33	2831321 - Phường Vị Thanh	197.821.623.433	106.266.000.000	91.555.623.433		91.555.623.433	197.794.723.433	106.266.000.000	91.528.723.433		91.528.723.433	99,99	100,00	99,97		99,97
34	2831333 - Phường Vị Tân	153.058.241.442	90.479.000.000	62.579.241.442		62.579.241.442	152.654.641.442	90.479.000.000	62.175.641.442		62.175.641.442	99,74	100,00	99,36		99,36
35	2831338 - Xã Hòa Lưu	125.144.549.948	67.430.000.000	57.714.549.948		57.714.549.948	123.770.726.686	67.430.000.000	56.340.726.686		56.340.726.686	98,90	100,00	97,62		97,62
36	2831340 - Phường Ngã Bảy	187.732.063.894	104.905.000.000	82.827.063.894		82.827.063.894	187.591.463.894	104.905.000.000	82.686.463.894		82.686.463.894	99,93	100,00	99,83		99,83

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán					Quyết toán					So sách (%)				
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu			Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu			Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu		
				Tổng số	Gồm				Tổng số	Gồm				Tổng số	Gồm	
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước				Vốn ngoài nước	Vốn trong nước				Vốn ngoài nước	Vốn trong nước
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
37	2831342 - Xã Tân Hòa	238.809.087.023	124.304.000.000	114.505.087.023		114.505.087.023	231.877.407.903	124.304.000.000	107.573.407.903		107.573.407.903	97,10	100,00	93,95		93,95
38	2831348 - Xã Trường Long Tây	125.477.178.292	70.972.000.000	54.505.178.292		54.505.178.292	122.716.713.542	70.972.000.000	51.744.713.542		51.744.713.542	97,80	100,00	94,94		94,94
39	2831360 - Xã Thanh Xuân	130.007.284.069	68.954.000.000	61.053.284.069		61.053.284.069	126.373.117.168	68.954.000.000	57.419.117.168		57.419.117.168	97,20	100,00	94,05		94,05
40	2831366 - Xã Châu Thành	187.403.307.700	103.023.000.000	84.380.307.700		84.380.307.700	187.175.007.700	103.023.000.000	84.152.007.700		84.152.007.700	99,88	100,00	99,73		99,73
41	2831369 - Xã Đông Phước	152.574.322.289	99.676.000.000	52.898.322.289		52.898.322.289	152.381.622.289	99.676.000.000	52.705.622.289		52.705.622.289	99,87	100,00	99,64		99,64
42	2831378 - Xã Phú Hữu	138.652.973.000	85.943.000.000	52.709.973.000		52.709.973.000	138.485.173.000	85.943.000.000	52.542.173.000		52.542.173.000	99,88	100,00	99,68		99,68
43	2831393 - Xã Hòa An	142.284.217.942	73.559.860.000	68.724.357.942		68.724.357.942	142.284.217.942	73.559.860.000	68.724.357.942		68.724.357.942	100,00	100,00	100,00		100,00
44	2831396 - Xã Hiệp Hưng	118.332.962.583	58.112.060.000	60.220.902.583		60.220.902.583	118.306.762.583	58.112.060.000	60.194.702.583		60.194.702.583	99,98	100,00	99,96		99,96
45	2831399 - Xã Tân Bình	121.923.957.957	70.470.180.000	51.453.777.957		51.453.777.957	121.885.757.957	70.470.180.000	51.415.577.957		51.415.577.957	99,97	100,00	99,93		99,93
46	2831408 - Xã Thanh Hòa	208.571.151.582	120.328.451.000	88.242.700.582		88.242.700.582	208.119.951.582	120.328.451.000	87.791.500.582		87.791.500.582	99,78	100,00	99,49		99,49
47	2831411 - Phường Đại Thành	151.273.831.457	85.817.000.000	65.456.831.457		65.456.831.457	151.054.531.457	85.817.000.000	65.237.531.457		65.237.531.457	99,86	100,00	99,66		99,66
48	2831420 - Xã Phụng Hiệp	112.326.231.538	62.087.360.000	50.238.871.538		50.238.871.538	112.276.631.538	62.087.360.000	50.189.271.538		50.189.271.538	99,96	100,00	99,90		99,90
49	2831426 - Xã Phương Bình	116.864.939.193	75.385.489.000	41.479.450.193		41.479.450.193	116.494.239.193	75.385.489.000	41.108.750.193		41.108.750.193	99,68	100,00	99,11		99,11
50	2831432 - Xã Tân Phước Hưng	99.897.358.475	57.770.600.000	42.126.758.475		42.126.758.475	99.897.358.475	57.770.600.000	42.126.758.475		42.126.758.475	100,00	100,00	100,00		100,00
51	2831441 - Xã Vị Thủy	212.023.259.200	95.002.000.000	117.021.259.200		117.021.259.200	212.023.259.200	95.002.000.000	117.021.259.200		117.021.259.200	100,00	100,00	100,00		100,00
52	2831453 - Xã Vĩnh Thuận Đông	159.552.185.361	88.851.860.000	70.700.325.361		70.700.325.361	159.414.585.361	88.851.860.000	70.562.725.361		70.562.725.361	99,91	100,00	99,81		99,81
53	2831459 - Xã Vĩnh Tường	129.378.601.375	67.060.000.000	62.318.601.375		62.318.601.375	129.378.601.375	67.060.000.000	62.318.601.375		62.318.601.375	100,00	100,00	100,00		100,00
54	2831465 - Xã Vị Thanh 1	186.952.338.948	108.345.000.000	78.607.338.948		78.607.338.948	186.952.338.948	108.345.000.000	78.607.338.948		78.607.338.948	100,00	100,00	100,00		100,00
55	2831471 - Phường Long Mỹ	208.558.737.062	116.370.000.000	92.188.737.062		92.188.737.062	208.417.237.062	116.370.000.000	92.047.237.062		92.047.237.062	99,93	100,00	99,85		99,85
56	2831473 - Phường Long Bình	124.836.118.131	56.995.000.000	67.841.118.131		67.841.118.131	123.148.818.131	56.995.000.000	66.153.818.131		66.153.818.131	98,65	100,00	97,51		97,51
57	2831480 - Phường Long Phú 1	157.636.550.229	86.435.000.000	71.201.550.229		71.201.550.229	157.636.550.229	86.435.000.000	71.201.550.229		71.201.550.229	100,00	100,00	100,00		100,00
58	2831489 - Xã Vĩnh Viễn	152.555.117.602	63.396.000.000	89.159.117.602		89.159.117.602	152.555.117.602	63.396.000.000	89.159.117.602		89.159.117.602	100,00	100,00	100,00		100,00
59	2831492 - Xã Lương Tâm	142.044.478.758	62.022.000.000	80.022.478.758		80.022.478.758	141.720.978.758	62.022.000.000	79.698.978.758		79.698.978.758	99,77	100,00	99,60		99,60
60	2831495 - Xã Xà Phên	194.305.929.964	99.004.000.000	95.301.929.964		95.301.929.964	193.893.629.964	99.004.000.000	94.889.629.964		94.889.629.964	99,79	100,00	99,57		99,57
61	2831507 - Phường Sóc Trăng	204.979.567.275	22.495.000.000	182.484.567.275		182.484.567.275	200.279.755.447	22.495.000.000	177.784.755.447		177.784.755.447	97,71	100,00	97,42		97,42
62	2831510 - Phường Phú Lợi	420.749.398.424	21.506.000.000	399.243.398.424		399.243.398.424	420.100.898.424	21.506.000.000	398.594.898.424		398.594.898.424	99,85	100,00	99,84		99,84
63	2831528 - Xã Kế Sách	337.457.723.071	19.904.045.000	317.553.678.071		317.553.678.071	333.492.375.071	19.904.045.000	313.588.330.071		313.588.330.071	98,82	100,00	98,75		98,75
64	2831531 - Xã An Lạc Thôn	218.088.010.396	20.435.770.500	197.652.239.896		197.652.239.896	218.088.010.396	20.435.770.500	197.652.239.896		197.652.239.896	100,00	100,00	100,00		100,00
65	2831537 - Xã Phong Năm	46.114.378.950	5.414.000.000	40.700.378.950		40.700.378.950	45.628.751.335	5.414.000.000	40.214.751.335		40.214.751.335	98,95	100,00	98,81		98,81
66	2831540 - Xã Thới An Hội	181.918.029.770	13.248.000.000	168.670.029.770		168.670.029.770	180.581.129.770	13.248.000.000	167.333.129.770		167.333.129.770	99,27	100,00	99,21		99,21
67	2831552 - Xã Nhôm Mỹ	177.516.081.268	20.679.000.000	156.837.081.268		156.837.081.268	174.798.349.268	20.679.000.000	154.119.349.268		154.119.349.268	98,47	100,00	98,27		98,27
68	2831561 - Xã Đại Hải	160.201.630.148	13.529.468.480	146.672.161.668		146.672.161.668	160.055.630.148	13.529.468.480	146.526.161.668		146.526.161.668	99,91	100,00	99,90		99,90
69	2831567 - Xã Mỹ Tú	238.969.734.449	21.807.000.000	217.162.734.449		217.162.734.449	238.880.934.449	21.807.000.000	217.073.934.449		217.073.934.449	99,96	100,00	99,96		99,96
70	2831569 - Xã Phú Tâm	218.275.035.181	13.429.000.000	204.846.035.181		204.846.035.181	210.948.356.141	13.429.000.000	197.519.356.141		197.519.356.141	96,64	100,00	96,42		96,42
71	2831570 - Xã Hồ Đắc Kiên	96.086.089.753	14.210.000.000	81.876.089.753		81.876.089.753	93.683.737.128	14.210.000.000	79.473.737.128		79.473.737.128	97,50	100,00	97,07		97,07
72	2831579 - Xã Long Hưng	116.532.177.335	17.080.000.000	99.452.177.335		99.452.177.335	113.359.192.822	17.080.000.000	96.279.192.822		96.279.192.822	97,28	100,00	96,81		96,81
73	2831582 - Xã Thuận Hòa	111.645.718.503	13.510.000.000	98.135.718.503		98.135.718.503	106.698.858.596	13.510.000.000	93.188.858.596		93.188.858.596	95,57	100,00	94,96		94,96
74	2831591 - Xã Mỹ Hương	197.816.070.499	24.846.000.000	172.970.070.499		172.970.070.499	197.669.570.499	24.846.000.000	172.823.570.499		172.823.570.499	99,93	100,00	99,92		99,92
75	2831594 - Xã An Ninh	156.596.846.134	14.361.000.000	142.235.846.134		142.235.846.134	152.267.636.764	14.361.000.000	137.906.636.764		137.906.636.764	97,24	100,00	96,96		96,96
76	2831603 - Xã Mỹ Phước	104.456.822.521	9.234.000.000	95.222.822.521		95.222.822.521	104.335.022.521	9.234.000.000	95.101.022.521		95.101.022.521	99,88	100,00	99,87		99,87
77	2831615 - Xã An Thạnh	244.990.707.912	25.041.000.000	219.949.707.912		219.949.707.912	240.084.054.638	25.041.000.000	215.043.054.638		215.043.054.638	98,00	100,00	97,77		97,77
78	2831633 - Xã Cù Lao Dung	197.882.452.765	27.471.000.000	170.411.452.765		170.411.452.765	197.882.452.765	27.471.000.000	170.411.452.765		170.411.452.765	100,00	100,00	100,00		100,00
79	2831639 - Xã Long Phú	251.374.215.030	15.868.500.000	235.505.715.030		235.505.715.030	251.374.215.030	15.868.500.000	235.505.715.030		235.505.715.030	100,00	100,00	100,00		100,00

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán					Quyết toán					So sách (%)				
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu			Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu			Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu		
				Tổng số	Gồm				Tổng số	Gồm				Tổng số	Gồm	
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước				Vốn ngoài nước	Vốn trong nước				Vốn ngoài nước	Vốn trong nước
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
80	2831645 - Xã Đại Ngãi	109.167.620.400	12.141.000.000	97.026.620.400		97.026.620.400	105.863.031.342	12.141.000.000	93.722.031.342		93.722.031.342	96,97	100,00	96,59		96,59
81	2831654 - Xã Trường Khánh	130.041.344.709	20.042.000.000	109.999.344.709		109.999.344.709	130.041.344.709	20.042.000.000	109.999.344.709		109.999.344.709	100,00	100,00	100,00		100,00
82	2831666 - Xã Tân Thanh	168.959.019.932	20.793.000.000	148.166.019.932		148.166.019.932	164.757.827.495	20.793.000.000	143.964.827.495		143.964.827.495	97,51	100,00	97,16		97,16
83	2831673 - Xã Trần Đề	223.596.263.862	21.499.000.000	202.097.263.862		202.097.263.862	223.536.263.862	21.499.000.000	202.037.263.862		202.037.263.862	99,97	100,00	99,97		99,97
84	2831675 - Xã Liêu Tú	144.748.083.717	14.844.000.000	129.904.083.717		129.904.083.717	144.584.983.717	14.844.000.000	129.740.983.717		129.740.983.717	99,89	100,00	99,87		99,87
85	2831679 - Xã Lịch Hội Thượng	113.479.761.876	13.229.000.000	100.250.761.876		100.250.761.876	113.097.628.952	13.229.000.000	99.868.628.952		99.868.628.952	99,66	100,00	99,62		99,62
86	2831684 - Phường Mỹ Xuyên	281.281.452.139	20.354.000.000	260.927.452.139		260.927.452.139	281.111.797.290	20.354.000.000	260.757.797.290		260.757.797.290	99,94	100,00	99,93		99,93
87	2831687 - Xã Tài Văn	132.707.185.554	15.849.000.000	116.858.185.554		116.858.185.554	130.440.183.186	15.849.000.000	114.591.183.186		114.591.183.186	98,29	100,00	98,06		98,06
88	2831699 - Xã Thanh Thới An	106.194.759.868	16.052.000.000	90.142.759.868		90.142.759.868	105.294.253.676	16.052.000.000	89.242.253.676		89.242.253.676	99,15	100,00	99,00		99,00
89	2831708 - Xã Nhu Gia	160.199.566.919	17.336.000.000	142.863.566.919		142.863.566.919	159.598.018.919	17.336.000.000	142.262.018.919		142.262.018.919	99,62	100,00	99,58		99,58
90	2831717 - Xã Hòa Tú	120.905.027.932	17.167.000.000	103.738.027.932		103.738.027.932	119.705.027.932	17.167.000.000	102.538.027.932		102.538.027.932	99,01	100,00	98,84		98,84
91	2831723 - Xã Ngọc Tổ	191.079.692.800	25.905.000.000	165.174.692.800		165.174.692.800	190.892.506.800	25.905.000.000	164.987.506.800		164.987.506.800	99,90	100,00	99,89		99,89
92	2831726 - Xã Già Hòa	124.583.543.929	17.010.000.000	107.573.543.929		107.573.543.929	124.464.020.100	17.010.000.000	107.454.020.100		107.454.020.100	99,90	100,00	99,89		99,89
93	2831732 - Phường Ngã Năm	298.745.135.649	25.047.000.000	273.698.135.649		273.698.135.649	266.952.337.925	25.047.000.000	241.905.337.925		241.905.337.925	89,36	100,00	88,38		88,38
94	2831741 - Xã Tân Long	159.800.382.725	23.495.000.000	136.305.382.725		136.305.382.725	159.600.282.725	23.495.000.000	136.105.282.725		136.105.282.725	99,87	100,00	99,85		99,85
95	2831753 - Phường Mỹ Quới	146.615.967.168	21.892.000.000	124.723.967.168		124.723.967.168	146.606.467.168	21.892.000.000	124.714.467.168		124.714.467.168	99,99	100,00	99,99		99,99
96	2831756 - Xã Phú Lộc	252.747.520.715	25.007.000.000	227.740.520.715		227.740.520.715	251.676.368.039	25.007.000.000	226.669.368.039		226.669.368.039	99,58	100,00	99,53		99,53
97	2831759 - Xã Lâm Tân	144.660.133.690	23.640.000.000	121.020.133.690		121.020.133.690	144.244.333.690	23.640.000.000	120.604.333.690		120.604.333.690	99,71	100,00	99,66		99,66
98	2831777 - Xã Vĩnh Lợi	116.733.409.480	22.838.000.000	93.895.409.480		93.895.409.480	116.488.709.480	22.838.000.000	93.650.709.480		93.650.709.480	99,79	100,00	99,74		99,74
99	2831783 - Phường Vĩnh Châu	364.579.051.732	23.750.000.000	340.829.051.732		340.829.051.732	364.275.151.732	23.750.000.000	340.525.151.732		340.525.151.732	99,92	100,00	99,91		99,91
100	2831789 - Phường Khánh Hòa	151.662.745.263	25.201.000.000	126.461.745.263		126.461.745.263	151.263.405.973	25.201.000.000	126.062.405.973		126.062.405.973	99,74	100,00	99,68		99,68
101	2831795 - Xã Vĩnh Hải	88.193.585.222	7.401.000.000	80.792.585.222		80.792.585.222	88.080.785.222	7.401.000.000	80.679.785.222		80.679.785.222	99,87	100,00	99,86		99,86
102	2831804 - Phường Vĩnh Phước	208.483.305.531	18.105.000.000	190.378.305.531		190.378.305.531	201.590.414.447	18.105.000.000	183.485.414.447		183.485.414.447	96,69	100,00	96,38		96,38
103	2831810 - Xã Lai Hòa	106.775.488.931	9.503.000.000	97.272.488.931		97.272.488.931	106.475.274.163	9.503.000.000	96.972.274.163		96.972.274.163	99,72	100,00	99,69		99,69